

Bản án số: 30/2023/ HNGĐ- ST
Ngày 26/7/2023
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Hiệp

Bà Đồng Thị Mây

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hằng Nga - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đàm Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2023/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tô Thị H, sinh năm 1973

- Bị đơn: Anh Lê Văn M, sinh năm 1970

Đều có địa chỉ: Đội 1, thôn V, xã T, huyện K, tỉnh H.

Chị H, anh M đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn trình bày: Chị và anh Lê Văn M kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Nhưng nay chị không còn giữ đăng ký kết hôn nên không thể xuất trình cho Tòa án. Trước khi kết hôn, anh chị có thời gian tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện đến với nhau. Anh chị có được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới,

anh chị về sinh sống tại gia đình nhà anh M. Thời gian đầu, anh chị sinh sống hòa thuận, hạnh phúc. Thịnh vượng trong cuộc sống vợ chồng, chị và anh M có xảy ra xô xát, cãi cọ, mâu thuẫn nhau do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Nhưng chị vẫn cố gắng chịu đựng vì con cái. Đến năm 2021, mâu thuẫn vợ chồng diễn ra thường xuyên hơn. Nguyên nhân là do khi làm nhà xong, anh M có yêu cầu mua kết và sau đó quản lý tiền của chị. Chị có hỏi thì anh M cho rằng hết rồi, rồi chị có cất 2 triệu tiêu cho sinh hoạt bản thân thì anh M chửi chị, còn đi nói chuyện với họ hàng là bảo chị cứ mở mồm ra là chửi. Đến tháng 4 năm 2022, anh M đuổi chị ra khỏi nhà và gọi điện cho quản lý của chị yêu cầu đuổi việc chị. Nguyên nhân chỉ vì chị đi làm về không đưa tiền cho anh M. Chị bỏ đi thì con chị động viên chị quay về. Vì thương con, sợ con hư hỏng nên chị lại quay về sinh sống cùng anh M. Nhưng từ đây, anh M thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Mâu thuẫn đỉnh điểm vào tháng 8 năm 2022, anh M cứ uống rượu vào là chửi bới chị suốt buổi tối. Chị có gọi con về thì anh M còn hung hăng hơn. Sự việc xảy ra, chị không trình báo Công an mà chỉ giải quyết nội bộ trong gia đình. Sau đó, có con cái hòa giải, chị và anh M vẫn tiếp tục sinh sống với nhau. Nhưng anh M vẫn không thay đổi tính tình. Đến tháng 3 năm 2023, anh M lại tiếp tục uống rượu ghen tuông yêu cầu chị xóa hết danh bạ điện thoại nhưng chị không biết xóa và có nhờ hàng xóm xóa hộ. Khi chị về nhà, anh M tiếp tục chửi bới chị thậm tệ. Đến ngày 14/4/2023, chị có đi chơi về, về nhà thì con gái chị đang ở nhà và có yêu cầu chị nghỉ công ty nhưng chị không đồng ý. Anh M tiếp tục chửi bới chị. Chị xác định không ở được với anh M nên chị lấy quần áo và bỏ đi. Anh M tiếp tục chửi, thóa mạ chị và bố mẹ đẻ chị, luôn liên tục hàng tháng đòi tiền chị. Chị bỏ ra khỏi nhà và không sinh sống với anh M. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh M, chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh M.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 24/3/2001 và Lê Thế L, sinh ngày 05/01/2004. Hiện cháu T đã trưởng thành, trên 18 tuổi, khỏe mạnh, bình thường, có gia đình riêng, cháu L đã trên 18 tuổi và đang đi nghĩa vụ quân sự. Khi ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, anh M trình bày: Anh và chị H kết hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn nhưng hiện nay anh không còn giữ giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn V, xã T, huyện K, tỉnh H. Quá trình chung sống, giữa anh và chị H có xảy ra cãi vã, bất đồng về quan điểm. Đến năm 2022, sau một lần vợ chồng xảy ra cãi cọ, chị H bỏ ra ngoài ở một thời gian rồi lại về sinh sống cùng với anh. Vợ chồng tiếp tục sinh sống đến cuối tháng 4 năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, chị H bỏ hẳn ra ngoài sinh sống từ đó cho đến nay. Anh chị đã không còn sinh sống cùng nhau, không hỏi han nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của anh là không đồng ý. Nếu chị H kiên quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 24/3/2001

và Lê Thế L, sinh ngày 05/01/2004. Hiện hai con đã trưởng thành, trên 18 tuổi, khỏe mạnh, bình thường nên khi ly hôn anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh trưởng thôn V, xã T; Công an xã Thượng Vũ xác định: Chị H và anh M sinh sống tại địa phương xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã. Cán bộ thôn và địa phương phải nhiều lần đến can ngăn. Khoảng tháng 4 năm 2023, chị H có phản ánh về việc bị anh M đánh, đe dọa nhưng khi Công an xã mời chị H và anh M đến làm việc thì chị H rút yêu cầu phản ánh việc anh M đánh nên Công an xã Thượng Vũ không thụ lý và giải quyết vụ việc trên. Nay chị H xin ly hôn anh M đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh UBND xã Thượng Vũ và phòng Tư pháp UBND huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương thể hiện: Tại sổ đăng ký kết hôn còn lưu giữ tại UBND xã Thượng Vũ và phòng Tư Pháp từ năm 1999 đến nay không có tên người đăng ký kết hôn là chị Tô Thị H và anh Lê Văn M nên xác định chị H và anh M chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị H, anh M đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Tô Thị H và anh Lê Văn M là vợ chồng; về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; về án phí: Chị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị H khởi kiện xin ly hôn anh M có địa chỉ tại xã T, huyện K, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Chị H, anh M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 238 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt anh chị.

[2]. Về nội dung: Chị Tô Thị H và anh Lê Văn M chung sống với nhau từ đầu năm 1999, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Chị H và anh M đều trình bày vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thượng Vũ nhưng không xuất trình được giấy chứng nhận kết hôn. Qua xác minh với UBND xã Thượng Vũ, phòng Tư pháp - UBND huyện Kim

Thành xác định không có tên chị Tô Thị H và anh Lê Văn M trong sổ đăng ký kết hôn từ năm 1999 trở lại đây nên Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị H và anh M là không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau thời gian dài, anh chị chung sống hoà thuận, có con chung, tài sản chung. Kể từ tháng 4 năm 2023, anh chị mâu thuẫn trầm trọng và không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị H có yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng là phù hợp.

Về con chung: Hai con chung của anh chị là Lê Thị T, sinh ngày 24/3/2001 và Lê Thế L, sinh ngày 05/01/2004, hiện đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi, khỏe mạnh, bình thường, khi ly hôn, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 238 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Tô Thị H và anh Lê Văn M là vợ chồng.

- Quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.

- Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Tô Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0003070 ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, chị H đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Chu Thị Thu Hương